

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **120/2022/DS-ST**

Ngày: 27 - 9 - 2022

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Thanh Bình

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Võ Văn Hiệp
2. Ông Phan Chí Thiện

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Hoàng Văn Quyết - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 01/2022/TLST-DS ngày 06 tháng 01 năm 2022 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 131/2022/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1971; địa chỉ: Số 28/8 đường D, Tổ 11, Khu 2, phường A, thành phố M, tỉnh Bình Dương.

**Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:** Ông Nguyễn Hùng D, sinh năm 1977; địa chỉ: Số 13/31 Tổ 31 phường H, thành phố M, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 20/10/2021), SĐT: 0907.069.789 - 0918.627.775, có mặt.

**2. Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1964; địa chỉ: Số 100/7, đường Q, Khu phố 6, phường C, thành phố M, tỉnh Bình Dương, SĐT: 0933.018.874, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Tại Đơn khởi kiện đề ngày 21/6/2021 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ trình bày:**

Ngày 16/8/2018, bà Đ cho ông C vay số tiền 1.000.000.000 đồng. Việc giao kết được hai bên thỏa thuận bằng Giấy mượn tiền ngày 16/8/2018. Theo Giấy mượn tiền, hai bên thỏa thuận vay số tiền trên với thời hạn 03 tháng từ ngày 16/8/2018 - 16/11/2018, thỏa thuận lãi suất bằng lời nói 2%/tháng.

Do là bạn bè nên khi cho ông C vay tiền, bà Đ không yêu cầu ông C thế chấp tài sản. Giấy mượn tiền là do bà Đ soạn sẵn mẫu, chưa trống các thông tin người vay tiền, còn chữ viết thêm bằng bút bi vào giấy mượn tiền là do ông C viết. Tại mục ký tên bên B là chữ viết, chữ ký của ông C.

Quá trình thực hiện hợp đồng vay, ông C không trả cho bà Đ khoản tiền nợ gốc và lãi nào. Bà Đ nhiều lần liên hệ yêu cầu trả nợ nhưng ông C cố tình lẩn tránh. Vì vậy, bà Đ khởi kiện yêu cầu ông C trả số tiền nợ gốc 1.000.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính từ ngày 16/8/2018 - 16/6/2021, với mức lãi suất 2%/tháng là 680.000.000 đồng theo giấy mượn tiền ngày 16/8/2018 giữa bà Đ và ông C.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ sau: CMND, sổ hộ khẩu của bà Đ (bản photo); Giấy mượn tiền ngày 16/8/2018 giữa bà Đ và ông C (bản sao); Giấy ủy quyền ngày 20/10/2021 giữa bà Nguyễn Thị Đ và ông Nguyễn Hùng D.

**- Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Văn C không đến Tòa án làm việc, không giao nộp bản tự khai và chứng cứ cho Tòa án.**

**Tại phiên tòa,**

- Bị đơn ông Nguyễn Văn C đã được triệu tập họp lệ lần thứ 2 nhưng không đến tham gia phiên tòa. Do đó, căn cứ các điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa xét xử vắng mặt ông C.

- Đại diện nguyên đơn ông Nguyễn Hùng D không giao nộp thêm tài liệu, chứng cứ, trình bày: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về tiền gốc của bà Đ; về tiền lãi, ông D yêu cầu ông C trả cho bà Đ tiền lãi chậm trả với mức lãi suất 10%/năm, tính từ ngày ông C chậm trả 16/11/2018 đến ngày 16/9/2022, tương đương số tiền 383.000.000 đồng; tiền lãi chậm trả tính từ ngày 17/9/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm (27/9/2022) bà Đ không yêu cầu ông C trả.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi xét xử, Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và thư ký Tòa án thực hiện đúng quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm; việc chấp hành pháp luật của các đương sự, nguyên đơn chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật;

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Bà Đ và ông C ký Giấy mượn tiền ngày 16/8/2018 là tự nguyện, nội dung các bên thỏa thuận không trái pháp luật, do đó giấy mượn tiền trên có giá trị thi hành đối với các bên. Theo nội dung giấy mượn tiền, các bên thỏa thuận thời hạn vay 03 tháng. Hết thời hạn vay, ông C không trả nợ cho bà Đ là vi phạm thỏa thuận, bà Đ khởi kiện yêu cầu ông C trả lại số tiền đã vay 1.000.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự.

Về tiền lãi: Tại phiên tòa, đại diện nguyên thay đổi yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền lãi chậm trả tính từ ngày 16/11/2018 đến ngày 16/9/2022, với mức lãi suất 10%/năm. Nhận thấy, tại Giấy mượn tiền ngày 16/8/2018 các bên không thỏa thuận lãi suất, do vậy đại diện nguyên đơn yêu cầu ông C trả lãi chậm trả cho bà Đ là phù hợp khoản 4 Điều 466 Bộ luật Dân sự.

+ Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; sau khi nghe Kiểm sát viên phát biểu ý kiến; sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án (quy định tại khoản 3, Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự). Do bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một (quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự). Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không có yêu cầu Tòa án áp dụng quy định thời hiệu khởi kiện, do vậy tranh chấp này thuộc trường hợp không áp dụng thời hiệu khởi kiện quy định tại khoản 2 Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành xác minh địa chỉ của ông C theo đơn khởi kiện do bà Đ cung cấp, được biết: Hiện nay, ông C có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ Số 100/7 đường Q, Khu phố 6, phường C, thành phố M, tỉnh Bình Dương. Năm 2016, ông C đã bán nhà và chuyển đi nơi khác sinh sống không khai báo với chính quyền địa phương. Căn cứ Giấy mượn tiền ngày 16/8/2018, ông C ghi địa chỉ Số 100/7 đường Q, Khu phố 6, phường C, thành phố M, tỉnh Bình Dương khi vay tiền của bà Đ, Tòa án thực hiện thủ tục Thông báo tìm kiếm ông C theo quy định tại Điều 180 của Bộ luật Tố tụng dân sự, trong thông báo Tòa án ấn định thời gian, địa điểm tiến hành tố tụng vụ án cho ông C biết để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, khi được thông báo tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, ông C không đến, không có ý kiến phản bác lại Giấy mượn tiền ngày 16/8/2018 do bà Đ giao nộp. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều

92, khoản 1 Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xác định Giấy mượn tiền ngày 16/8/2018 là chứng cứ hợp pháp, buộc bà Đ và ông C phải tôn trọng, thực hiện.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng:

Ngày 16/8/2018, ông C có vay của bà Đ số tiền 1.000.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận thời hạn vay 03 tháng, bà Đ và ông D (đại diện cho bà Đ) cho rằng khi cho ông C vay tiền hai bên thỏa thuận lãi suất bằng lời nói 2%/tháng. Tuy nhiên, trong Giấy mượn tiền ngày 16/8/2018 không có thỏa thuận nội dung trên, bà Đ, ông D cũng không giao nộp được chứng cứ chứng minh hai bên thỏa thuận lãi suất 2%/tháng. Do đó, lời trình bày của bà Đ, ông D không có căn cứ chấp nhận. Tuy nhiên tại phiên tòa, ông D thay đổi yêu cầu khởi kiện về tiền lãi, yêu cầu ông C trả tiền lãi chậm trả cho bà Đ với mức lãi suất 10%/năm, xét thấy yêu cầu trên của ông D phù hợp Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự nên Tòa chấp nhận. Như vậy, giao dịch giữa bà Đ và ông C được xác định là hợp đồng vay tài sản, loại hợp đồng vay có thời hạn, không lãi suất được quy định tại Điều 463, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015. Đến hạn trả nợ, ông C không trả, bà Đ khởi kiện yêu cầu ông C trả nợ là phù hợp khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự nên Tòa chấp nhận.

Về tiền lãi: Căn cứ khoản 4 Điều 466 Bộ luật Dân sự, buộc ông C trả lãi chậm trả kể từ ngày hết thời hạn vay (16/11/2018 - ngày xét xử sơ thẩm 27/9/2022) với mức lãi suất 10%/năm trên số nợ gốc 1.000.000.000 đồng. Tuy nhiên tại phiên tòa, ông D chỉ yêu cầu ông C trả cho bà Đ tiền lãi chậm trả từ ngày 16/11/2018 đến ngày 16/9/2022, tương đương số tiền 383.000.000 đồng; Xét thấy, số tiền lãi 383.000.000 đồng ông D yêu cầu ông Chi trả được tính toán phù hợp pháp luật nên Tòa chấp nhận.

Đối với tiền lãi chậm trả tính từ ngày 17/9/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm (27/9/2022) bà Đ không yêu cầu ông C trả nên Tòa ghi nhận.

[4] Từ những nhận định trên, xét thấy ý kiến phát biểu về quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của bà Đ được Tòa chấp nhận nên ông C phải chịu án phí theo quy định Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 92, 95, 147, 227, 228, 266, 271, 273, 278, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

#### Tuyên xử:

**1. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ đối với bị đơn ông Nguyễn Văn C về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Về tiền nợ: Buộc ông C có trách nhiệm trả cho bà Đ tổng số tiền 1.383.000.000đ (một tỷ ba trăm tám mươi ba triệu đồng), trong đó: 1.000.000.000 đồng tiền nợ gốc và 383.000.000 đồng tiền lãi chậm trả tính từ ngày 16/11/2018 - 16/9/2022 theo Giấy mượn tiền ngày 16/8/2018.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Đ, không yêu cầu ông C trả tiền lãi chậm trả từ ngày 17/9/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm 27/9/2022.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

#### **2. Về án phí dân sự sơ thẩm:**

Ông C chịu số tiền 53.490.000đ (năm mươi ba triệu bốn trăm chín mươi ngàn đồng), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một trả lại bà Đ số tiền 31.200.000đ (ba mươi một triệu hai trăm ngàn đồng) đã nộp tạm ứng trước đây theo Biên lai thu số AA/2021/00000732 ngày 16/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

**3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị:** Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án. Viện Kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

**4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án**

dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- VKSND TP. Thủ Dầu Một;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thanh Bình**